UBND TỈNH BẮC GIANG **SỞ NÔNG NGHIỆP & PTNT**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 759/SNN-VP V/v Công khai mức thu phí, lệ phí	*Bắc Giang, ngày 29 tháng 4 năm 2021*

Kính gửi: - Văn phòng UBND tỉnh Bắc Giang;
- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh.

Thực hiện Công văn số 159/VP-TTPVHCC ngày 26/4/2021 của Văn phòng UBND tỉnh V/v công khai mức thu phí, lệ phí. Sau khi rà soát các thủ tục hành chính có thu phí, lệ phí. Sở Nông nghiệp và PTNT thống kê toàn bộ mức thu các loại phí, lệ phí (nếu có) đối với các thủ tục hành chính thực hiện tiếp nhận, trả kết quả tại bộ phận một cửa của Sở *(Theo biểu đính kèm).*

Sở Nông nghiệp và PTNT đã thực hiện đăng tải biểu thu phí, lệ phí đối với các TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở trên Công thông tin điện tử của Sở tại địa chỉ: http://snnptnt.bacgiang.gov.vn. Đồng thời yêu cầu các đơn vị trực thuộc Sở tuyên truyền đến người dân và doanh nghiệp thông qua các lớp tập huấn về văn bản QPPL.

Sở Nông nghiệp và PTNT gửi Văn phòng UBND tỉnh tổng hợp./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- GĐ, các PGĐ Sở;
- Lưu: VT, VP.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN
TỈNH BẮC GIANG

Lê Bá Thành

BIỂU THU PHÍ, LỆ PHÍ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
TẠI TRUNG TÂM PHỤC VỤ HÀNH CHÍNH CÔNG TỈNH
(Ban hành kèm theo công văn số [illegible]/SNN-VP ngày 29/4/2021 của Sở Nông nghiệp và PTNT)

TT	Tên thủ tục hành chính	Loại và mức thu		Văn bản ban hành mức thu		Ghi chú
		Phí *(đồng/hồ sơ; hoặc % tình phí…)*	Lệ phí *(đồng/hồ sơ; hoặc % tình phí…)*	Phí	Lệ phí	
	Lĩnh vực lâm nghiệp					
1	Thẩm định, phê duyệt hồ sơ thiết kế, dự toán công trình lâm sinh (đối với công trình lâm sinh thuộc dự án do Chủ tịch UBND cấp tỉnh quyết định đầu tư.	Phí thẩm định thiết kế kỹ thuật (0,121%/tổng dự toán được phê duyệt)		Mục 1, Phụ lục số 1, ban hành kèm theo Thông tư số 210/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ Tài chính)		
2	Điều chỉnh thiết kế, dự toán công trình lâm sinh (đối với công trình lâm sinh thuộc dự án do Chủ tịch UBND cấp tỉnh quyết định đầu tư)	Phí thẩm định thiết kế kỹ thuật (0,121%/tổng dự toán được phê duyệt)		Mục 1, Phụ lục số 1, ban hành kèm theo Thông tư số 210/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ Tài chính)		
3	Công nhận nguồn giống cây trồng lâm nghiệp (gồm công nhận: vườn giống; rừng giống trồng; rừng giống chuyển hóa; lâm phần tuyển chọn; cây trội; vườn cây đầu dòng)	Bình tuyển, công nhận cây mẹ, cây đầu dòng 2.000.000 đồng/lần; Bình tuyển, công nhận vườn giống, rừng giống cây lâm nghiệp là 4.500.000		Tại mục 13 trong bảng ban hành kèm theo Nghị quyết số 33/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Giang).		

		đồng/lần				
	Lĩnh vực Trồng trọt và BVTV					
4	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán phân bón	500.000 đ/cơ sở/lần		Điều 2. Sửa đổi, bổ sung điểm 2, 3, 4 phần II; phần V Biểu phí, lệ phí trong lĩnh vực trồng trọt và giống cây lâm nghiệp Thông tư số 14/2018/TT-BTC ngày 07/2/2018 của của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 207/2016/TT-BTC ngày 9/1/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính		
5	Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán phân bón	200.000 đ/cơ sở/lần		Điều 2. Sửa đổi, bổ sung điểm 2, 3, 4 phần II; phần V Biểu phí, lệ phí trong lĩnh vực trồng trọt và giống cây lâm nghiệp Thông tư số 14/2018/TT-BTC ngày 07/2/2018 của của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 207/2016/TT-BTC ngày 9/1/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính		
6	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật	800.000/hồ sơ		Dòng số 5, Mục I - Biểu phí trong lĩnh vực bảo vệ thực vật của Thông tư số 231/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong lĩnh vực bảo vệ thực vật)		
7	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật	800.000/hồ sơ		Dòng số 5, Mục I - Biểu phí trong lĩnh vực bảo vệ thực vật của Thông tư số 231/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong lĩnh vực bảo vệ thực vật)		
8	Cấp Giấy xác nhận nội dung quảng cáo	600.000/ hồ		Dòng số 3, Mục I - Biểu phí trong		

	thuốc bảo vệ thực vật	sơ		lĩnh vực bảo vệ thực vật của Thông tư số 231/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong lĩnh vực bảo vệ thực vật)		
9	Lĩnh vực Quản lý chất lượng NLS và TS					
10	Cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm thủy sản.	700.000/cơ sở		Phần a, mục 3, biểu phí thẩm định ATTP trong lĩnh vực nông nghiệp theo Thông tư 286/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính		
11	Cấp lại giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thủy sản (trường hợp trước 06 tháng tính đến ngày giấy chứng nhận ATTP hết hạn).	700.000/cơ sở		Phần a, mục 3, biểu phí thẩm định ATTP trong lĩnh vực nông nghiệp theo Thông tư 286/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính		
	Lĩnh vực Chăn nuôi và Thú y					
12	Cấp, cấp lại chứng nhận điều kiện vệ sinh thú y (cấp tỉnh)	450.000-1.000.000/cơ sở		Điểm 16, 17 - Mục V Thông tư số 101/2020/TT-BTC của Bộ Tài chính: - Kiểm tra điều kiện vệ sinh thú y đối với cơ sở chăn nuôi động vật tập trung; cơ sở sơ chế, chế biến, kinh doanh động vật, sản phẩm động vật; kho lạnh bảo quản động vật, sản phẩm động vật tươi sống, sơ chế, chế biến; cơ sở giết mổ động vật tập trung; cơ sở ấp trứng, sản xuất, kinh doanh con giống; chợ chuyên kinh doanh động vật; cơ sở xét nghiệm, chẩn đoán bệnh động vật; cơ sở phẫu thuật động vật; cơ sở sản xuất nguyên liệu thức ăn chăn nuôi có		

				nguồn gốc động vật và các sản phẩm động vật khác không sử dụng làm thực phẩm: 1.000.000 đồng/lần. - Kiểm tra điều kiện vệ sinh thú y đối với cơ sở cách ly kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật; cơ sở giết mổ động vật nhỏ lẻ; chợ kinh doanh động vật nhỏ lẻ; cơ sở thu gom động vật: 450.000 đồng/lần.		
13	Cấp giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật trên cạn	300,000/cơ sở		Điểm 2 - Mục II Thông tư số 101/2020/TT-BTC của Bộ Tài chính		
14	Cấp giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật thủy sản (đối với cơ sở nuôi trồng thủy sản, cơ sở sản xuất thủy sản giống)	300,000/cơ sở		Điểm 2 - Mục II Thông tư số 101/2020/TT-BTC của Bộ Tài chính		
15	Cấp giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật trên cạn và thủy sản đối với cơ sở phải đánh giá lại	300,000/cơ sở		Điểm 2 - Mục II Thông tư số 101/2020/TT-BTC của Bộ Tài chính		
16	Cấp lại giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật trên cạn	300,000/cơ sở		Điểm 2 - Mục II Thông tư số 101/2020/TT-BTC của Bộ Tài chính		
17	Cấp lại giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật thủy sản	300,000/cơ sở		Điểm 2 - Mục II Thông tư số 101/2020/TT-BTC của Bộ Tài chính		
18	Cấp giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật trên cạn đối với cơ sở có nhu cầu bổ sung nội dung chứng nhận	300,000/cơ sở		Điểm 2 - Mục II Thông tư số 101/2020/TT-BTC của Bộ Tài chính		
19	Cấp giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật thủy sản đối với cơ sở có nhu cầu bổ sung nội dung chứng nhận	300,000/cơ sở		Điểm 2 - Mục II Thông tư số 101/2020/TT-BTC của Bộ Tài chính		
20	Cấp lại giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật (trên cạn và thủy sản) đối với cơ sở có giấy chứng nhân hết hiệu lực do xảy ra bệnh hoặc phát hiện mầm bệnh tại cơ sở đã được chứng nhận an toàn hoặc không thực hiện giám sát lấy mẫu đúng, đủ số lượng trong quá trình duy trì điều kiện cơ sở sau khi	300,000/cơ sở		Điểm 2 - Mục II Thông tư số 101/2020/TT-BTC của Bộ Tài chính		

	được chứng nhận					
21	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi thương mại, thức ăn chăn nuôi theo đặt hàng (Trường hợp đánh giá thực tế)	5.700.000/cơ sở		Mục 1, phần II Thẩm định kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực nông nghiệp tại Biểu mức thu phí trong chăn nuôi Ban hành kèm theo Thông tư số 24/2021/TT-BTC ngày 31/3/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính		
22	Cấp, gia hạn Chứng chỉ hành nghề thú y thuộc thẩm quyền cơ quan quản lý chuyên ngành thú y cấp tỉnh (gồm tiêm phòng, chữa bệnh, phẫu thuật động vật; tư vấn các hoạt động liên quan đến lĩnh vực thú y; khám bệnh, chẩn đoán bệnh, xét nghiệm bệnh động vật; buôn bán thuốc thú y)		50.000/cơ sở		Mục 2, phần I của biểu phí, lệ phí trong công tác thú y ban hành kèm theo TT 101/2020/TT-BTC ngày 23 tháng 11 năm 2020	
23	Cấp lại Chứng chỉ hành nghề thú y (trong trường hợp bị mất, sai sót, hư hỏng; có thay đổi thông tin liên quan đến cá nhân đã được cấp Chứng chỉ hành nghề thú y)		50.000/cơ sở		Mục 2, phần I của biểu phí, lệ phí trong công tác thú y ban hành kèm theo TT 101/2020/TT-BTC ngày 23 tháng 11 năm 2020	
24	Cấp giấy xác nhận nội dung quảng cáo thuốc thú y	900.000/cơ sở		Mục 15, phần V của biểu phí, lệ phí trong công tác thú y ban hành kèm theo TT 101/2020/TT-BTC ngày 23 tháng 11 năm 2020		
25	Kiểm tra điều kiện vệ sinh thú y đối với cơ sở cơ sở ấp trứng, sản xuất, kinh doanh con giống	1.000.000/cơ sở		Quy định tại Biểu phí, lệ phí trong công tác thú y ban hành kèm theo Thông tư số 101/2020 ngày 23/11/2020 của Bộ Tài chính		

26	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện chăn nuôi đối với chăn nuôi trang trại quy mô lớn	2.300.000/ cơ sở		Quy định tại Biểu mức thu phí trong chăn nuôi ban hành kèm theo Thông tư số 24/2021/TT-BTC ngày 31/3/2021của Bộ Tài chính		
27	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện chăn nuôi đối với chăn nuôi trang trại quy mô lớn	250.000/cơ sở		Quy định tại Biểu mức thu phí trong chăn nuôi ban hành kèm theo Thông tư số 24/2021/TT-BTC ngày 31/3/2021của Bộ Tài chính		
	Lĩnh vực Thủy sản					
28	Cấp, cấp lại giấy chứng nhận cơ sở đủ đk sản xuất thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường NTTS (trừ nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài).	5.700.000/cơ sở		Phần 3, mục II biểu phí, lệ phí trong lĩnh vực QLCL vật tư nuôi trồng thủy sản ban hành kèm theo Thông tư 284/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính, được sửa đổi bổ sung tại Thông tư 09/2018/TT-BTC		
	Lĩnh vực Thủy lợi					
29	Thẩm định dự án, thiết kế cơ sở và Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình chuyên ngành Nông nghiệp và phát triển nông thôn	Theo tỷ lệ % theo phụ lục Thông tư số 209/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016		Quy định tại Thông tư số 209/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ Tài chính Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định dự án đầu tư xây dựng, phí thẩm định thiết kế cơ sở.		Giá trị lệ phí thẩm định dự án và BCKTKT tuỳ thuộc vào giá trị tổng mức đầu tư dự án, công trình để nội suy hệ số theo phụ lục mức thu lệ phí thẩm định kèm theo Thông tư số 209/2016/TT-BTC
30	Thẩm định điều chỉnh dự án, thiết kế cơ sở và Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình chuyên ngành Nông nghiệp và phát triển nông thôn	Theo tỷ lệ % theo phụ lục Thông tư số 209/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016		Quy định tại Thông tư số 209/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ Tài chính Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định dự án đầu tư xây dựng, phí thẩm định thiết kế cơ sở.		Giá trị lệ phí thẩm định dự án và BCKTKT tuỳ thuộc vào giá trị tổng mức đầu tư dự án, công trình để nội suy hệ số theo phụ lục mức thu lệ phí thẩm định kèm theo Thông tư số 209/2016/TT-BTC
31	Thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở và dự toán xây dựng công trình chuyên ngành Nông nghiệp	Theo tỷ lệ % theo phụ lục 01 và phụ lục		Quy định tại Thông tư số 210/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ Tài chính Quy định mức thu,		Giá trị lệ phí thẩm định hồ sơ thiết kế kỹ thuật và hồ sơ dự toán tuỳ thuộc vào giá trị

	và phát triển nông thôn	02 của Thông tư số 210/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016		chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định thiết kế kỹ thuật, phí thẩm định dự toán xây dựng.		chi phí xây dựng (chưa có thuế GTGT) trong dự toán công trình hoặc dự toán gói thầu được duyệt để nội suy hệ số theo phụ lục 01 và 02 mức thu lệ phí thẩm định kèm theo Thông tư số 210/2016/TT-BTC